



TỰ CHỦ ĐẠI HỌC

Những quyền lợi và hệ quả

PHẠM CHÍ DŨNG

Trong thời gian gần đây, Thủ tướng Chính phủ đã chấp thuận phân cấp cho Bộ trưởng Bộ giáo dục và đào tạo thẩm quyền quyết định thành lập trường đại học công lập, cho phép thành lập trường đại học tư thục và có quyền giao nhiệm vụ đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ cho các trường, viện nghiên cứu khoa học. Sự chấp thuận trên bắt đầu mở ra những tiền đề “tự chủ” cho Bộ GDĐT, để tiếp theo đó, Bộ GDĐT lại phân quyền tự chủ cho các trường đại học.

Vậy, quyền tự chủ của các trường đại học cần thiết như thế nào trong bối cảnh hiện nay và những năm sắp tới? Chúng ta hãy xem xét bắt đầu từ khuynh hướng tự chủ của đại học trên thế giới.

Khuynh hướng tự chủ trên thế giới

Tự chủ của trường đại học (university autonomy) đã trở thành một khuynh hướng thời đại trên thế giới, giúp cho các trường đại học tự nâng cao năng lực của mình trong các mặt hoạt động. Khái niệm này được hiểu là “quyền tự quản lý” và “hoạt động độc lập” của các cơ sở giáo dục đại học mà không có sự can thiệp từ bên ngoài. Một số chuyên gia giáo dục quốc tế đã xác định 6 lĩnh vực tự chủ của trường đại học:

- Tự chủ trong quản lý nhà trường.
- Tự chủ trong phân bổ nguồn nhân lực cho các hoạt động mà nhà trường xác định.
- Tự chủ trong tuyển dụng cán

bộ và xác định điều kiện làm việc của họ.

- Tự chủ trong tuyển sinh.
- Tự chủ trong xây dựng chương trình và giảng dạy.

- Tự chủ trong xác định chuẩn mực và các phương pháp đánh giá.

Những năm gần đây, quyền tự chủ trong các trường đại học được xác định với các tiêu chí hướng tới việc giảm quyền kiểm soát trực tiếp của nhà nước đối với các cơ sở giáo dục đại học. Theo một khảo sát vào năm 2003 về quản lý các trường đại học trong các nước của tổ chức OECD, phạm vi quyền tự chủ của các trường đại học được xác định thông qua các yếu tố như sở hữu cơ sở vật chất, trang thiết bị của nhà trường; vay vốn; phân bổ tài chính để đạt mục tiêu đề ra; xây dựng nội

dung chương trình; tuyển dụng và sa thải cán bộ, trả lương cán bộ (bao gồm cả biệc quy định chất lượng tối thiểu của cán bộ tương ứng với mức lương tối thiểu); quyết định quy mô tuyển sinh; quyết định các mức học phí.

Ở Trung Quốc, hiện nay phần lớn các trường đại học công lập phải tự tìm kiếm hơn 50% trong tổng nguồn thu của nhà trường. Tại Malaysia, nhiều trường đại học công lập đã chuyển thành công ty đại học. Na Uy thực hiện việc xóa bỏ các khóa học và chương trình cơ bản cho các trình độ khác nhau. Ở Áo, Luật các trường đại học năm 2002 đã mở rộng tối đa quyền tự chủ về thể chế: các trường đại học có quyền quyết định các điều kiện tuyển dụng, các chương trình đào tạo và phân bổ quyền lực mà không cần có sự thông qua chính phủ.

Những quyền tự chủ ban đầu

Với trường hợp VN, do tính chất công lập truyền thống và tính giao thời giữa các nguồn vốn hoạt động của trường đại học (vốn và tài sản của Nhà nước, nguồn vốn của tư nhân), cũng do các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục chậm điều chỉnh về tư duy và phong cách quản lý đối với vấn đề chuyển từ cơ chế bộ chủ quản sang không có bộ chủ quản (liên quan đến một số quyền và lợi ích cục bộ), nên cho đến nay vấn đề tự chủ của các trường đại học vẫn chưa được hoàn thiện về cơ chế, chưa thật sự tạo cho các trường, nhất là một số đại học công lập và các trường đại học dân lập đã tự chủ về nguồn tài chính hoạt động, sức bật vươn lên hơn nữa đối với các hoạt động khác của trường như chương trình đào tạo, công nghệ, cơ sở vật chất, nguồn nhân lực, đào tạo theo tiêu chuẩn quốc tế.

Từ năm học 2007 – 2008, dự kiến Bộ GDĐT sẽ thực hiện việc xét các điều kiện để các trường đại học được giao quyền tự chủ, trong đó 6

điều kiện chính để phân quyền tự chủ là trường đại học phải có nghĩa vụ thực hiện các nội dung đảm bảo chất lượng đào tạo theo tiêu chí chất lượng; việc kiểm định trường đại học phải do một cơ quan kiểm định độc lập thực hiện; trường đại học phải kiểm toán theo quy định và công bố kết quả theo định kỳ; khi công bố mức học phí, trường đại học phải thông báo kèm theo cam kết về chất lượng đào tạo; trường đại học xây dựng chương trình đào tạo trên cơ sở chương trình khung do Bộ GDĐT ban hành; việc phát triển của trường đại học phải phù hợp với quy hoạch mạng lưới các trường đại học.

Tương ứng, những lĩnh vực được phân quyền tự chủ là các lĩnh vực nhân sự, đào tạo, khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế, tài chính – tài sản. Cụ thể, những quyền tự chủ cụ thể mà các trường đại học được hưởng là tự chủ trong việc cấp bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; tự quyết định một số lượng tuyển sinh theo tiêu chí chất lượng đào tạo của Bộ GDĐT; tự tổ chức tuyển sinh dựa vào kết quả thi tốt nghiệp trung học phổ thông; tự bổ nhiệm giáo sư, phó giáo sư theo nhu cầu; tự thiết kế và in bằng, cấp bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, với mẫu văn bằng đã được Bộ GDĐT duyệt theo các tiêu chí đã công bố.

Dự báo việc triển khai

Khuynh hướng tự chủ sẽ dẫn đến nhiều biến động tại các trường đại học mà chúng ta có thể dự báo dưới đây:

- Số lượng trường đại học, trong đó chủ yếu là trường đại học dân lập, tư thục sẽ tăng nhanh. Nếu theo mục tiêu của ngành GDĐT là đến năm 2010 sẽ đạt chỉ số 200 sinh viên/1 vạn dân và số sinh viên của các trường đại học, cao đẳng ngoài công lập sẽ chiếm 40% trên tổng số sinh viên, thì trong 5 năm

tới sẽ phải thành lập khoảng 110 trường đại học và cao đẳng nữa. Tuy nhiên, dự báo này không phải là quá xa xôi và ngay hiện nay đã có khoảng 100 hồ sơ xin thành lập trường ngoài công lập.

- Các trường đại học cũng sẽ phát triển đa dạng về chương trình, nội dung đào tạo. Xu hướng này bắt buộc giảng viên phải tự nâng cao trình độ; tạo cơ hội được tuyển dụng và được sử dụng đối với những giảng viên có trình độ khá giỏi.

- Xu hướng trên cũng bắt buộc các trường, chủ yếu là khối công lập, phải tinh giảm biên chế và tổ chức lại bộ máy quản lý, đào tạo của nhà trường cho khoa học, đồng bộ và hiệu quả hơn, trở thành yếu tố tích cực đối với mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo. Trong khi đó, khối đại học dân lập, do đã tự chủ phần lớn từ khi mới thành lập, càng có điều kiện để phát huy những thế mạnh tự chủ của mình.

- Hoạt động nghiên cứu và công nghệ phát triển theo hướng triển khai trong thực tiễn. Tăng về tỷ lệ áp dụng sản phẩm nghiên cứu trong thực tiễn.

- Hợp tác quốc tế sẽ mở rộng, chủ yếu là liên kết đào tạo. Loại hình du học tại chỗ cũng sẽ phát triển. Số lượng và giá trị các chương trình, dự án hợp tác quốc tế sẽ tăng, một phần do tự mỗi trường quyết định mà không phải lập hồ sơ xin phép Bộ GDĐT.

- Sẽ xuất hiện nhu cầu được kiểm định và loại hình tổ chức kiểm định, ban đầu là của nước ngoài; và sau một thời gian là tổ chức của VN. Mặt khác, yêu cầu về kiểm toán của Bộ GDĐT sẽ kéo theo việc các trường, chủ yếu là khối dân lập và tư thục, phải đóng thuế thu nhập. Hoạt động tài chính của những trường này do đó sẽ được minh bạch hóa hơn. Tuy nhiên, do được kiểm toán và phải công khai hóa những nội dung chi tiêu chính của tài chính nên sẽ xuất hiện một số mâu

thuần nội bộ trong các trường đại học dân lập.

- Dưới góc độ cạnh tranh lành mạnh, các trường sẽ tận dụng lợi thế so sánh của mình để phục vụ cho sinh viên, hướng đến chủ trương đào tạo lấy sinh viên làm trọng tâm. Một số điều kiện học tập, sinh hoạt của sinh viên (như cơ sở vật chất, phương tiện học tập, ký túc xá, tín dụng sinh viên...) sẽ được cải tiến. Sinh viên cũng sẽ được tăng quyền chọn lựa của mình đối với các trường.

- Học phí sẽ xuất hiện nhiều mức, đa dạng hóa. Mặt bằng học phí chung đối với trường đào tạo theo trình độ trong nước sẽ tăng từ 1,5-2 lần so với hiện nay, chưa kể các khoản phụ phí học tập. Mức học phí đối với các trường đào tạo theo tiêu chuẩn quốc tế sẽ tăng rất cao, với mặt bằng bình quân có thể đến 1.500-2.000 USD/sinh viên/năm.

- Quản lý nhà nước sẽ tập trung vào việc xây dựng các chính sách vĩ mô và hậu kiểm. Do số lượng các trường phát triển nhanh và do Bộ GDĐT thay đổi chính sách tuyển sinh đầu vào, số lượng và kéo theo tỷ lệ người học có thể tham gia đại học sẽ tăng.

- Xu hướng tự chủ hóa khối trường đại học sẽ dẫn đến xu hướng tự chủ hóa khối trường cao đẳng và trung học phổ thông, đẩy nhanh tiến độ cổ phần hóa và tư nhân hóa trường học. Loại hình công ty trường học sẽ xuất hiện với mức độ trung bình, do các doanh nghiệp tham gia đầu tư. Tài trợ và viện trợ song phương, phi chính phủ của nước ngoài sẽ tập trung vào khối trường đại học dân lập, tư thục.

- Hoạt động tín chỉ và đào tạo liên thông sẽ gia tăng và thuận lợi hơn, bắt đầu hướng đến các quy trình vận hành mang tính quốc tế. Bắt đầu xuất hiện đào tạo liên thông giữa trường trong nước với trường nước ngoài.

Dự báo những hệ quả

Trong bối cảnh các cơ chế hoạt động và quản lý nhà nước chưa hoàn thiện, việc tự chủ của các trường đại học cũng có thể dẫn đến một số hệ quả sau:

- Cơ chế tự chủ sẽ tạo điều kiện dễ dàng hơn về mặt hồ sơ hành chính xin mở trường đại học mới. Vì thế, nhiều dự án lập trường đại học sẽ được cấp phép; ngay cả tại những thành phố lớn vốn có mật độ khá dày trường đại học và cao đẳng như Hà Nội và TP.HCM, do quy hoạch bố trí trường đại học chưa có hoặc chưa được dự báo theo sát với những xu hướng thực tế, có thể những trường đại học mới vẫn được cấp phép. Nhưng cũng do xuất hiện quá nhiều trường đại học, sẽ dẫn đến tình trạng lạm phát về số lượng trường và gây khó khăn nhiều cho công tác quản lý nhà nước. Đối với một số mặt đã phân quyền tự chủ cho các trường, đặc biệt đối với khối trường đại học dân lập và tư thục, hoạt động quản lý nhà nước sẽ có nguy cơ bị tách rời và buông lỏng.

Cần nhắc lại, ngay từ trước khi vấn đề tự chủ được nêu ra như một giải pháp kích thích sự phát triển của nền đại học, Bộ GDĐT đã không nắm được cụ thể nhiều mặt hoạt động của các trường như tài chính, hợp tác quốc tế, kể cả nhân sự và điều chuyển nhân sự; trong khi công tác theo dõi thường xuyên và hậu kiểm, công tác phối hợp giữa Bộ GDĐT với các cơ quan chức năng địa phương lại hầu như chưa được thiết lập đồng bộ và chặt chẽ, nên càng không thể nắm được diễn biến hoạt động của các trường, kể cả trường đại học công lập.

- Tình trạng hoạt động phân tán, manh mún và chia rẽ giữa các trường trong nước càng gia tăng, tạo điều kiện cho các trường nước ngoài đẩy nhanh việc chiếm lĩnh thị phần giáo dục. Dự báo này được nêu ra trên cơ sở thực tế phân tán

hoạt động tách rời giữa khối trường đại học công lập và khối trường đại học dân lập, nằm trong bối cảnh vai trò của các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, của các tổ chức hội đồng đại học và hiệp hội giáo dục khá lu mờ trong việc hỗ trợ và điều phối những nguồn lực giữa các trường đại học. Trong khi đó, chủ trương về tự chủ đại học cũng có thể bị cố tình hiểu sai theo nghĩa "cắt cử đại học" – một khuynh hướng co thủ đối với một số trường, thiếu hẳn mối liên kết hữu cơ kể cả giữa các trường đại học công lập lớn.

Đây chính là một khiếm khuyết rất lớn của hoạt động đại học trong nước trong quá trình hội nhập quốc tế, mà có thể tạo thuận lợi lớn cho một số trường đại học nước ngoài, vốn có nhiều kinh nghiệm về quảng bá và kỹ thuật chi phối, dễ dàng thao túng thị phần giáo dục. Nếu xu hướng này cứ tiếp diễn một cách tự phát mà không có sự điều chỉnh kịp thời của các trường đại học trong nước, có thể không bao lâu nữa chính những trường đại học "chủ nhà" sẽ phải đóng vai trò như "vệ tinh" hoặc một dạng thứ cấp của trường đại học nước ngoài (như hiện nay đã có hiện tượng trường đại học trong nước trở thành vệ tinh cho trường đại học nước ngoài (chưa vào VN) trong việc chiêu sinh đi học ở nước ngoài. Trong trường hợp này, trường đại học trong nước chỉ thuần túy là một loại cơ sở dịch vụ tuyển sinh được hưởng hoa hồng môi giới).

- Khó khăn về tài chính của các trường đại học công lập do bị cắt giảm ngân sách thường xuyên từ Nhà nước. Các trường này nằm trong lộ trình cắt giảm kinh phí từ từng phần (30-50%) đến phần lớn (khoảng 80%), thậm chí những trường đã tương đối tự chủ được về tài chính có thể bị cắt toàn bộ ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, đối tượng gặp khó khăn và trở thành dạng "đối tượng chịu thiệt thòi" nhiều

nhất chính là những trường đại học công lập vốn quen nhận ngân sách thường trực mà không tự cải tiến, sáng tạo, điều chỉnh theo quan điểm đào tạo ít nhất không thể thoát ly những điều kiện của nền kinh tế thị trường.

Vì thế một khi cơ chế tự chủ về tài chính được chính thức đưa vào áp dụng, những trường này sẽ phải đối mặt với nguy cơ bị giảm sút đáng kể lượng sinh viên đầu vào, dẫn tới hệ quả giảm số thu từ học phí, giảm thu nhập đối với giảng viên và dẫn tới một hệ quả tiếp theo là những trường này vừa phải giảm biên chế vừa diễn ra nạn chảy máu chất xám. Xét trong trung hạn hoặc dài hạn, những trường này nếu không tự "cách mạng" mình thì tất yếu sẽ bị triệt tiêu trong xu thế cạnh tranh không khoan nhượng về chất lượng giáo dục.

• Cạnh tranh tự phát và gay gắt. Trong thực tế từ trước khi có ý tưởng về chủ trương tự chủ, đã diễn ra một không khí cạnh tranh ngầm ngấm giữa khối trường đại học công lập với khối trường đại học tư thục, và giữa khối trường đại học trong nước với những trường đại học nước ngoài. Biểu hiện cạnh tranh này bắt đầu từ việc một số trường đại học đua nhau mở thêm những khoa ngành đào tạo mới như Quản trị kinh doanh, Tài chính kế toán, Quan hệ công chúng, Truyền thông và báo chí, Thị trường chứng khoán... nhằm bắt kịp những nhu cầu thực tiễn ngoài xã hội. Sự đa dạng chủng loại theo cách "đa ngành, đa lĩnh vực" đã bị lạm dụng: những trường đại học chuyên về khoa học kỹ thuật cũng mở thêm ngành khoa học xã hội, còn trường về khoa học xã hội lại tiến vào lĩnh vực công nghệ.

Tuy nhiên, việc mở khoa ngành đào tạo mới lại không được bù đắp tương xứng bởi nội lực của môi trường, mà thường các trường phải tăng cường mời giáo viên

thỉnh giảng từ các trường khác về trường mình giảng dạy, tạo thành một mối quan hệ khiên cưỡng và bất cập về nguồn nhân lực. Trong điều kiện cơ chế tự chủ, khi các trường đều phải tự túc về kinh phí, đương nhiên sẽ diễn ra sự cạnh tranh giữa các trường về thương hiệu, chất lượng đào tạo và một yếu tố không thể thiếu là sự thích nghi của sinh viên tốt nghiệp đối với môi trường tìm việc làm.

Hoạt động quảng bá, quảng cáo không đúng thực chất, sẽ xuất hiện nhiều, gây ra tình trạng cạnh tranh không lành mạnh. Trường hợp này thường rơi vào những trường đại học hoạt động theo quan điểm thiên về lợi nhuận (trong khi vẫn tuyên bố là trường có "sứ mệnh" đào tạo phi lợi nhuận), phát triển quá nhanh của khoa ngành đào tạo (cả khoa học kỹ thuật lẫn khoa học công nghệ cùng các ngành "thời thượng") và kéo theo là tuyển sinh với số lượng ồ ạt, tăng đột biến chi phí cho quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng, hứa hẹn với sinh viên về khả năng của trường giải quyết việc làm cho sinh viên ngay sau khi tốt nghiệp. Trong khi đó, một số trường đại học đào tạo có chất lượng nhưng không mấy chú tâm đến khâu quảng bá "thương hiệu" và "hình ảnh" của mình, tất sẽ phải chịu thiệt thòi. Một số trường khác, chủ yếu là trường công lập, do bị hạn chế về ngân sách quảng cáo, nên cũng không thể đẩy mạnh công tác tuyên truyền. Xét về giác độ quảng cáo không tương xứng với năng lực đào tạo thực tế, đó chính là yếu tố cạnh tranh không lành mạnh trong hoạt động đào tạo giữa các trường đại học.

• Tình trạng thương mại hóa tràn lan. Phần lớn các trường, chủ yếu là trường đại học tư thục và kể cả một số trường đại học công lập, có khuynh hướng chạy theo số lượng tuyển sinh thay vì chất

lượng. Tiêu chí đào tạo sẽ được các trường này căn cứ trước hết vào số lượng sinh viên đầu vào và doanh thu học phí; đồng thời mức học phí sẽ được nâng lên gấp nhiều lần mức học phí được quy định của Nhà nước. Trong trường hợp được phân quyền về tự chủ quyết định mức học phí, một số trường đại học đã có uy tín tương đối nào đấy sẽ nhân đó đẩy vào mức thu học phí từ sinh viên, vượt quá khả năng trang trải của người học và biến môi trường giáo dục thành môi trường thương mại.

Xu hướng các doanh nghiệp tham gia vào lĩnh vực đào tạo này càng nhiều, thúc đẩy mô hình "công ty đại học" tuy mang lại một số năng động cho lĩnh vực này, nhưng cũng làm trầm trọng thêm tính chất thương mại hóa trong khi bản thân nhiều doanh nghiệp không có sự am hiểu sâu sắc về giáo dục đại học. Trong thực tế, đã có trường đại học không cam kết với sinh viên về tổng số thu học phí cho toàn khóa học, mà lại thu theo từng năm học, thậm chí dự kiến thu theo từng học kỳ với lý do "giá cả thị trường tăng" hoặc "nhà trường cần nâng cấp cơ sở vật chất để bảo đảm đào tạo chất lượng cao".

• Tình trạng xuất hiện quá nhiều chuyên ngành đào tạo mới cũng sẽ làm nhận thức của người học bị phân tán, không tập trung vào các chuyên ngành trọng tâm và có tính thiết thực đối với nhu cầu của xã hội. Nhưng nguy hiểm nhất là nội dung giảng dạy và đội ngũ giảng viên không thỏa mãn yêu cầu của chuyên ngành đào tạo mới. Liên quan đến vấn đề này, có thể tham khảo tỷ lệ xét tuyển nguyện vọng 2 và 3 trong mùa tuyển sinh năm 2005 của một số trường đại học dân lập chỉ đạt thấp (20-30%). Có trường đã phải đóng cửa ngành tiếng Pháp do không có học sinh. Mặt khác, do quá chú trọng đào tạo cho những ngành "thời thượng" nên nhiều ngành đào tạo cơ bản sẽ bị mở

nhật vai trò, dẫn đến tình trạng sinh viên tốt nghiệp thiếu trầm trọng những kiến thức sơ đẳng về triết học, lịch sử, văn học...

- Khó thống nhất các mẫu và các loại văn bằng tốt nghiệp. Đây cũng là cơ hội cho những trường tuy có chất lượng đào tạo thấp hoặc trung bình nhưng lại quảng bá hình ảnh của mình thông qua việc "sáng tạo" những mẫu văn bằng nổi bật về hình thức và tính thẩm mỹ. Đồng thời, cơ chế liên kết giữa trường trong nước với trường nước ngoài về cấp phát văn bằng (theo hình thức hoặc trường VN cấp bằng, hoặc cả hai trường đồng cấp bằng, hoặc chứng chỉ...) cũng có thể gây hỗn loạn trong nhận thức người học về văn bằng, nhất là đối với những trường nước ngoài khó xác minh được xuất xứ và thực chất đào tạo. Mặt khác, hiện tượng văn bằng giả, văn bằng khống sẽ gia tăng đáng kể. Hiện tượng này vốn đã tồn tại trong hoạt động liên kết đào tạo tại một vài trường, sẽ có điều kiện để phát triển khá mạnh mẽ mà người học không thể tự thẩm định được.

- Trong giai đoạn những năm đầu thực hiện cơ chế tự chủ, hoạt động kiểm định độc lập chưa phát triển đúng yêu cầu do chưa hình thành thói quen được kiểm định của các trường; bản thân một số tổ chức kiểm định độc lập (chủ yếu là tổ chức trong nước) không thỏa mãn được yêu cầu về trình độ và kinh nghiệm kiểm định. Chỉ có một ít trường lớn và có tính thực chất mới chủ động tiếp nhận hoạt động kiểm định độc lập (những trường này cũng đã có khá nhiều kinh nghiệm trong hoạt động tự đánh giá và tự kiểm định mình). Còn một số trường đào tạo theo quan điểm thương mại hóa không muốn bị tổ chức kiểm định can thiệp. Nếu cơ chế kiểm định độc lập trở thành một yêu cầu bắt buộc của Nhà nước

đối với các trường đại học, rất có thể sẽ diễn ra sự thông đồng giữa một số trường đại học đào tạo theo quan điểm thương mại hóa với những tổ chức kiểm định giáo dục nào đấy. Đây cũng là một biểu hiện của cạnh tranh không lành mạnh trong đào tạo đại học, và cách nào đấy có thể xem sự thông đồng trên như một thủ đoạn lừa dối người học.

- Do mặt bằng học phí bình quân tăng nhanh, sẽ có nhiều sinh viên có hoàn cảnh khó khăn phải bỏ học; đồng thời sẽ hạn chế một số lượng đáng kể người học tham gia đầu vào. Những trường hợp này chủ yếu sẽ rơi vào các trường đại học lạm dụng danh tiếng của mình để nâng mức học phí. Cũng do không thể vào học được tại những trường đại học có uy tín, một lượng sinh viên sẽ phải chọn những trường đại học có "đẳng cấp" thấp hơn (với mức học phí cũng thấp hơn), do đó chất lượng đào tạo càng bị giảm sút. Tình trạng thất học hoặc "bán thất học" như vậy của sinh viên lại là một hậu quả lớn của trào lưu "xã hội hóa giáo dục" theo hướng tư nhân hóa.

- Do tình trạng lạm phát về số lượng và chất lượng đào tạo của các trường đại học, các doanh nghiệp và các đơn vị, tổ chức khác trong xã hội sẽ gặp khó khăn đáng kể trong việc xác định tính thực chất của từng trường đại học để từ đó quyết định chính sách tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp của các trường. Sinh viên tốt nghiệp từ những trường ít có tiếng tăm (dù đào tạo có thực chất) hoặc những trường thuộc "đẳng cấp thấp" thường sẽ phải chịu thiệt thòi nhất. Trong khi đó, tính mất công bằng sẽ được đẩy cao do sinh viên tốt nghiệp từ những trường thường quảng cáo quá nhiều (tuy chất lượng đào tạo không cao) về mình sẽ có nhiều cơ hội hơn để tìm được việc làm với mức thu nhập cao hơn sinh viên các trường khác.

- "Lạm phát" về học vị, chức

danh do các trường đều có khuynh hướng tự phong, tự cấp và chạy theo số lượng nhân sự trình độ cao để quảng bá hình ảnh của mình. Khuynh hướng này càng thể hiện rõ do các trường phải đáp ứng được yêu cầu thỏa mãn một tỷ lệ nhất định giảng viên cơ hữu với học vị trên thạc sĩ. Cũng vì thế, tại một số trường sẽ diễn ra việc đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ một cách tùy tiện, thiếu chất lượng, thậm chí có trường hợp còn là đào tạo khống hoặc văn bằng học vị giả. Đây cũng là một biểu hiện của tình trạng cạnh tranh không lành mạnh trong đào tạo đại học.

Phân quyền tự chủ cần tiến hành theo lộ trình nào?

Trong sự chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ về phân quyền cho Bộ GDĐT đã đề cập trong phần đầu bài viết này, đáng chú ý là một ràng buộc: những trường đại học tư thực muốn thành lập vẫn phải có ý kiến Thủ tướng CP. Với điều kiện này, số lượng đại học tư thực thành lập có khả năng bị hạn chế. Theo đó, cơ chế tự chủ đối với đại học công và tư có thể sẽ không giống nhau. Điều này có thể dẫn tới tình trạng "phân biệt đối xử", nhưng cũng hạn chế trước mắt một số biểu hiện thương mại hóa của đại học tư thực.

Muốn nhanh chóng triển khai cơ chế tự chủ và xây dựng cơ chế này một cách khoa học và hợp lý, sau sự phân quyền của Chính phủ, Bộ GDĐT cần nhanh chóng có quy định cụ thể phân cấp cho các trường (cụ thể hóa khái niệm tự chủ: Tự chủ là trường đại học tự giải quyết các vấn đề như tuyển sinh và chỉ tiêu tuyển sinh hay phải xin phép Bộ GDĐT, những việc gì không cần phải xin phép Bộ...), hạn chế sự khác biệt giữa trường công và tư, vừa bảo đảm nâng cao tính tự chủ nhưng lại quản lý chặt chẽ. Trong đó, cần có cơ chế nhanh gọn giải quyết hồ sơ xin thành lập đại học tư thực ■